

Số: 123/2018/QĐST-DS

Càng Long, ngày 24 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 201/2018/TLST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Tăng Thị H, sinh năm 1986 (chết ngày 19/7/2017).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị Tăng Thị H:

1/. Anh Lê Trọng H, sinh năm 1977 (chồng chị H).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Bà Châu Thị U, sinh năm 1955 (mẹ chị H).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/. Cháu Nguyễn Văn M, sinh năm 2007 (con chị H).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/. Cháu Châu Khánh N, sinh năm 2013 (con chị H).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người giám hộ cho cháu Nguyễn Văn M và cháu Châu Khánh N là bà Châu Thị U, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số tiền phải trả:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị Tăng Thị H là anh Lê Trọng H, bà Châu Thị U, cháu Nguyễn Văn M và cháu Châu Khánh N do bà Châu Thị U làm giám hộ tự nguyện trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T số tiền 8.785.000 đồng (*Tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) đối với đây hui tháng 1.000.000 đồng xác lập ngày 15/6/2016.

- *Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị H là Anh Lê Trọng H, bà Châu Thị U, cháu Nguyễn Văn M và cháu Châu Khánh N do bà Châu Thị U làm giám hộ thống nhất dùng tài sản của chị H chết để lại gồm 02 quyền sử dụng đất do chị Tăng Thị H đứng tên thửa số 196, tờ bản đồ số 15, diện tích 75m², loại đất trồng lúa, thửa số 214, tờ bản đồ số 29, diện tích 42,7m², loại đất ở tại đô thị trên đất có xây dựng ngôi nhà cấp 4, có 01 gác lửng; 01 quyền sử dụng đất do chị Tăng Thị H và anh Lê Trọng H đứng tên thửa số 294, tờ bản đồ số 15, diện tích 143,7m², loại đất chuyên trồng lúa nước để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- *Về thời gian trả:* Chị Nguyễn Thị Thùy T cùng người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị H là anh Lê Trọng H, bà Châu Thị U, cháu Nguyễn Văn M và cháu Châu Khánh N do bà Châu Thị U làm giám hộ tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0017426 ngày 13/7/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Anh Lê Trọng H, bà Châu Thị U, cháu Nguyễn Văn M và cháu Châu Khánh N do bà Châu Thị U làm giám hộ không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh